

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/DS-PT

Ngày: 12-8-2021

V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 141/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 57/2021/QĐ ngày 21/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 68/2021/QĐ ngày 30/6/2021 và Thông báo mở phiên tòa phúc thẩm số 519/TB-TA ngày 28/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1960; Trú tại: Nhà số 4 đường Phó Đức C, phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Hoàng Thế T, sinh năm 1959; Văn phòng luật sư Nhân Vũ thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ 18 Hà Huy Tập, phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Ông Võ Hồng N, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn 1, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
(ông B, ông Trọng và ông N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thái B trình bày: Vào ngày 25/12/2009 ông B có cho ông N vay số tiền 2.200.000.000đ, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay nhưng ông N có viết và ký giấy biên nhận và cam kết để mượn tiền. Ông N có cam kết sau khi làm ăn xong thì ông N sẽ trả cho ông B số tiền cả vốn và tiền thỏa thuận là 22.000.000.000đ. Sau đó, mặc dù ông B đã đòi nhiều lần nhưng ông N vẫn không trả nợ như đã cam kết. Vì vậy, ông B khởi kiện yêu cầu ông N phải trả số tiền gốc là 2.200.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay 25/12/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Võ Hồng N trình bày: Ông N không thừa nhận khoản tiền vay như lời trình bày của ông B mà cho rằng giấy mượn tiền mà ông B nộp cho Tòa án là do ông B dùng vũ lực ép ông N ký vào ngày 15/01/2010 tại một nhà nghỉ ở thành phố Kon Tum. Thực chất vào ngày 25/12/2009, trên đường đi Đắc Hà-Gia Lai để mua đá thiên thạch, ông B có thỏa thuận và viết giấy cam kết với ông Võ Văn Quang về việc ông B bỏ ra 2.000.000.000đ, mua bán xong ông Quang phải trả cho ông B 20.000.000.000đ. Vì vậy, ông N không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông B.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn ông Nguyễn Thái B có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái B đối với ông Võ Hồng N về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc ông Võ Hồng N phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thái B tổng số tiền là 4.521.110.000đ (Bốn tỷ năm trăm hai mươi một triệu một trăm mười ngàn đồng); trong đó: Tiền gốc là 2.200.000.000đ, tiền lãi là 2.321.110.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về việc tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/04/2021, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Võ Hồng N giữ nguyên kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Thái B và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hoàng Thế Trọng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy báo của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc ông Nguyễn Thái B khởi kiện yêu cầu ông Võ Hồng N phải trả số tiền 2.200.000.000đ đã vay và lãi suất tính từ ngày 25/12/2009 cho đến nay; ông N không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và cũng xác định đúng, đầy đủ tư cách của các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 25/12/2009 ông Võ Hồng N có viết giấy biên nhận với nội dung: “Tôi tên là Võ Hồng N ... có mượn của anh Nguyễn Thái B ... số tiền 2.200.000.000đ sau khi làm ăn xong tôi trả 22.000.000.000đ(cả vốn + tiền thỏa thuận)...” và có chữ ký ghi họ tên Võ Hồng N phía dưới giấy biên nhận (BL 81). Như vậy, việc ông B cho ông N vay số tiền 2.200.000.000đ là có xảy ra trên thực tế.

Ông N cho rằng, vào ngày 25/12/2009 ông B với ông Võ Văn Quang có thỏa thuận về việc ông B bỏ ra 2.000.000.000đ để mua bán đá thiên thạch, sau khi mua bán xong ông Quang phải trả cho ông B 20.000.000.000đ. Còn việc ông N viết giấy biên nhận mượn tiền là do bị ông B ép buộc.

Qua xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ mà ông N cung cấp và Tòa án cấp sơ thẩm thu thập được thì thấy rằng: Vào năm 2009, ông Võ Văn Quang, đã làm quen với ông Võ Văn N, sau đó ông Quang câu kết với một số đối tượng làm giả đá thiên thạch để lừa ông Võ Hồng N, ông Nguyễn Thái B. Tại bản cáo trạng số 25/KSĐT-KT ngày 17/7/2013 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum thể hiện sau khi ông Quang rủ ông N mua đá thiên thạch, do không có 2.000.000.000đ nên ông N có rủ ông B đầu tư 2.000.000.000đ để thực hiện việc mua bán. Vào ngày 25/12/2009, tại nhà ông B, các bên đã thỏa thuận và thống nhất kế hoạch đi Kon Tum để thử đá, mua đá và chia nhau tiền lời chênh lệch. Tuy nhiên, khi đến Kon Tum, sau khi thử đá ông B giao tiền cho đối tượng Tài, Ngọc (là người câu kết với Quang) để mua đá thì Quang và các đối tượng trên đã lừa và nói đá thiên thạch thật sau đó chiếm đoạt tiền và bỏ trốn. Bản cáo trạng đã truy tố Võ Văn Quang ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để đề nghị xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 16/7/2014, Võ Văn Quang đã chết do đột quỵ nên đến ngày 15/9/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã đình chỉ vụ án đối với Võ Văn Quang.

Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có lời khai nào của ông B thừa nhận về việc thỏa thuận và ký kết hùn tiền làm ăn với ông Võ Văn Quang. Bên cạnh đó, ông B cung cấp cho Tòa án 01 bản chính giấy biên nhận và cam kết để mượn tiền ghi ngày 25/12/2009 thể hiện ông N vay của ông B 2.200.000.000đ để ông N làm ăn. Ông B khẳng định số tiền ông N vay và số tiền mua đá thiên thạch là không liên quan gì đến nhau; ông B cho rằng ông và ông N là bạn học với nhau, mọi việc làm ăn chung với nhau đều có sự thỏa thuận, bàn bạc cụ thể và rất rõ ràng; việc ông N tự tay viết giấy biên nhận vay tiền là hoàn toàn tự nguyện và ông N có đủ nhận thức để viết và ký vào giấy biên nhận; ông N là thầy giáo, có hiểu biết pháp luật thì không thể nào một mình ông B lại có thể dùng áp lực để ép buộc bạn mình ký nhận vay một số tiền lớn như vậy. Còn ông N thì cho rằng, giấy biên nhận trên do ông B ép ông N viết tại một nhà nghỉ tại Kon Tum nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông N có vay tiền và tự viết giấy vay tiền của ông B nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc ông N phải trả cho ông B số tiền gốc là 2.200.000.000đ là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ông N thừa nhận là có ký vào giấy biên nhận vay tiền và chữ viết có nội dung cam kết trả nợ là do chính ông N là người viết ra; Cũng tại phiên tòa phúc thẩm có lúc ông N khai do bị ông B dùng dao ép ký và cũng có lúc khai do say rượu không làm chủ được bản thân; tuy nhiên ông N không cung cấp được tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình là đúng vì vậy cấp phúc thẩm không có cơ sở nào để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông.

[4] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thái B buộc ông Võ Hồng N phải trả lãi suất Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Giấy biên nhận ngày 25/12/2009 (BL81) chỉ thể hiện nội dung vay, mà không có thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất cụ thể là bao nhiêu cũng như ông N cũng không đồng ý trả gốc và lãi theo yêu cầu của ông B. Như vậy, giữa các bên đương sự không thống nhất và có tranh chấp về lãi suất, ông B cho rằng đã nhiều lần liên hệ đòi ông N trả số tiền đã vay nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, cần căn cứ vào ngày ông B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để tính thời hạn được tính lãi suất là có căn cứ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tính thời hạn trả lãi kể từ ngày vay 25/12/2009 là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Do đó, tiền lãi cần được tính cụ thể như sau:

- Tiền lãi từ ngày 06/8/2020 đến ngày 30/3/2021 (07 tháng 24 ngày):
 $2.200.000.000đ \times 0.83\%/30 \times 234 \text{ ngày} = 142.428.000đ$ (một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn đồng)

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: $2.200.000.000đ + 142.428.000đ = 2.342.428.000đ$ (Hai tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn đồng)

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên là có căn cứ.

[5] *Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời*: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có khiếu nại hay yêu cầu thay đổi hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, do đó cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 28/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm là phù hợp.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn nên ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định cụ thể:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thái B phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận. Tuy nhiên tính đến ngày xét xử sơ thẩm nguyên đơn đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn toàn bộ án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần miễn toàn bộ án phí cho ông B.

Ông Võ Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền thanh toán cho nguyên đơn là: $2.000.000.000đ = 72.000.000đ + (342.428.000đ \times 2\%) =$

78.848.560đ (bảy mươi tám triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Hồng N, sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 06/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thái B về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc ông Võ Hồng N phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thái B tổng số tiền 2.342.428.000đ (Hai tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn đồng); trong đó, tiền gốc là 2.200.000.000đ và tiền lãi là 142.428.000đ (một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 28/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 28/2020/QĐ-BPBD ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Hồng N phải chịu 78.848.560đ (bảy mươi tám triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông N đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004943 ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Ông Võ Hồng N còn phải nộp thêm số tiền 78.548.560đ (bảy mươi tám triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi đồng).

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Hồng N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Phòng KTNV&THA;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đỗ Mạnh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân Huỳnh Châu Thạch

Đỗ Mạnh Hùng